TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:124/2024/DS-ST
Ngày: 29 - 8 - 2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Trần Thị Thu Hà**.
2. Ông: **Huỳnh Văn Hồng**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Ngô Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2024/TLST – DS ngày 03 tháng 05 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP S.**

Địa chỉ trụ sở chính: Số B, đường N,phường V, Quận C, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP S.

Đại diện theo ủy quyền ông Võ Phú C. Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch - Ngân hàng TMCP S.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Phú C là ông Nguyễn Thanh T. Chức vụ: Phó phòng giao dịch V (theo văn bản ủy quyền ngày 28/3/2024) (có mặt).

Địa chỉ: H đường N, thị trấn V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Kim P**, sinh năm: 1966 (vắng).

Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 28/3/2024, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông

Nguyễn Thanh T trình bày:

Ngày 21/6/2019 ngân hàng TMCP S có ký với bà Nguyễn Kim P hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - Các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) số hợp đồng 1290810. Căn cứ thu nhập của bà P, Ngân hàng đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức: 25.000.000đ, số thẻ 970403-3157, lãi suất trong hạn áp dụng khi cấp thẻ là 2,22%/tháng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Khi phát sinh quá hạn, áp dụng lãi suất bằng 150% lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng.

Quá trình giao dịch được thể hiện chi tiết trên bản sao kê quá hạn thẻ, thứ tự thanh toán thẻ tín dụng căn cứ theo Điều 21 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà P không có thiện chí trả nợ. Do bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 19 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 23/10/2023 Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dự nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 29/8/2024, bà P còn nợ số tiền như sau: Số thẻ 970403-3157, ngày vay 22/7/2019, ngày quá hạn 23/10/2023 vốn gốc 9.456.602đ, lãi quá hạn 3.258.658đ, tổng cộng 12.715.260đ. Mặc dù ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần tìm cách để liên hệ làm việc với bà P cùng tìm hướng giải quyết khoản vay nhưng bà P cố tình không hợp tác. Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà P trả nợ, tuy nhiên đến nay vẫn chưa thanh toán khoản vay quá hạn cho ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng.

Nay ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Nguyễn Kim P phải trả cho ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 29/8/2024 là 12.715.260đ, trong đó vốn gốc 9.456.602đ, lãi quá hạn 3.258.658đ và phải chịu lãi phát sinh của khoản vay thẻ tín dụng trên từ ngày 30/8/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo quy định.

Bị đơn bà P đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bà P không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử sơ thẩm. Xét việc vắng mặt của bà P không gây trở ngại cho việc xét xử nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng và bị đơn bà P. Bà P có nơi cư trú tại ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố

tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà P vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho bà P nhưng bà P cũng không đến Toà án. Nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà P.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S và bà P được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Nay ngân hàng TMCP S yêu cầu bà P phải trả cho ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 29/8/2024 là 12.715.260đ, trong đó vốn gốc 9.456.602đ, lãi quá hạn 3.258.658đ và phải chịu lãi phát sinh của khoản vay thẻ tín dụng trên từ ngày 30/8/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo quy định.

Xét tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1290810 ngày 21/6/2019 được ký giữa ngân hàng TMCP S – Chi nhánh V – Phòng G với bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1966, địa chỉ ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, hạn mức thẻ 25.000.000đ, cấp thẻ theo điều kiện 03-DK khách hàng có quan hệ tín dụng, loại thẻ 9039-Family credit EMV, lãi suất áp dụng 2,22%/tháng, tài sản đảm bảo không có. Bà P có ký tên và ghi họ tên vào chỗ chữ ký và họ tên của chủ thẻ chính và có đại diện của ngân hàng xác nhận. Sau đó ngày 22/7/2019 bà P rút số tiền 25.000.000đ đến ngày 22/8/2019 bà P đã thanh toán cho ngân hàng tổng cộng 25.271.000đ, sau đó tiếp tục rút 22.500.000đ. Trong quá trình thanh toán bà P có đóng để giảm dư nợ, tính đến ngày 22/10/2023 bà P còn nợ ngân hàng 9.456.602đ. Ngày 23/10/2023 Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Sau khi đến hạn trả nợ ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần tìm cách để liên hệ làm việc với bà P cùng tìm hướng giải quyết khoản vay nhưng bà P cố tình không hợp tác. Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà P trả nợ, tuy nhiên đến nay vẫn chưa thanh toán khoản vay quá hạn cho ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì bà P vắng mặt không có lý do.

Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc bà P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền vay vốn tính đến ngày 29/8/2024 là 9.456.602đ, số tiền lãi là 3.258.658đ, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 12.715.261đ. Ngân hàng TMCP S được quyền tính lãi liên tục theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1290810 ngày 21/6/2019 đối với số tiền vốn 9.456.602đ cho đến khi bà P trả hết số tiền nợ cho Ngân hàng TMCP S.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà P phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 635.000đ (Sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân

sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc bà Nguyễn Kim P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền vay vốn 9.456.602đ (Chín triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm lẽ hai đồng), số tiền lãi là 3.258.658đ (Ba triệu hai trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng), tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 12.715.260đ (Mười hai triệu bảy trăm mười lăm nghìn hai trăm sáu mươi đồng). Ngân hàng TMCP S được quyền tính lãi liên tục theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1290810 ngày 21/6/2019 đối với số tiền vốn là 9.456.602đ (Chín triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm lẻ hai đồng) cho đến khi bà Nguyễn Kim P trả hết số tiền nợ cho Ngân hàng TMCP S.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Kim P phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 635.000đ (Sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0}0009011 ngày 26/4/20024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cụcTHADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Lanh